

Số: 07/2026/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản
đối với tàu cá khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Thực hiện Công điện số 198/CĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung tháng cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 2310/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Kế hoạch hành động tháng cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam”;

Xét Tờ trình số 340/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá
khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các chính sách hỗ trợ bao gồm:

a) Hỗ trợ chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét sang các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét.

b) Hỗ trợ giải bản tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét đăng ký trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét, đã đăng ký trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (viết tắt là chủ tàu cá), hoặc chưa đăng ký nhưng thuộc diện “3 không” và có tên trong danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có nguyện vọng thực hiện chuyển đổi nghề, giải bản tàu cá.

b) Thành viên hộ gia đình chủ tàu sinh sống phụ thuộc vào tàu cá tham gia thực hiện chuyển đổi nghề, giải bản, có nguyện vọng học nghề, chuyển đổi việc làm, tìm kiếm sinh kế khác ngoài khai thác thủy sản.

c) Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước, thực hiện chính sách hỗ trợ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác. Mỗi tàu cá chỉ được một hình thức hỗ trợ là chuyển đổi nghề hoặc giải bản tàu cá. Riêng tàu cá diện “3 không” chỉ tham gia chính sách giải bản tàu cá.

2. Việc tham gia thực hiện chuyển đổi nghề, giải bản tàu cá phải trên cơ sở tự nguyện của chủ tàu.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Tàu cá đã đăng ký phải có giấy tờ (bản chính) theo quy định: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (áp dụng đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên); tàu cá chưa đăng ký nhưng thuộc diện “3 không” và thuộc danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có nguyện vọng thực hiện chuyển đổi nghề, giải bản tàu cá.

2. Tàu cá tham gia thực hiện giải bản phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu thường trú kiểm tra, lập biên bản xác minh tình trạng tàu cá xóa đăng ký theo quy định, tiêu hủy trước khi nhận hỗ trợ.

3. Chủ tàu cá đã được hỗ trợ theo chính sách giải bản không được đầu tư mua sắm tàu cá có chiều dài dưới 15 mét để hoạt động khai thác thủy sản; nếu vi phạm phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và bị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ chuyển đổi các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét sang các nghề khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét.

Hỗ trợ ổn định đời sống: Chủ tàu tham gia chuyển đổi nghề và thành viên hộ gia đình chủ tàu được hỗ trợ 3.700.000 đồng/người/tháng; thời gian hỗ trợ 03 tháng.

2. Hỗ trợ giải bản tàu cá: Chủ tàu tham gia thực hiện giải bản tàu được hỗ trợ một lần bằng tiền, như sau:

a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, tiêu hủy thực tế tàu cá theo định mức như sau:

- Tàu cá có thời gian hoạt động dưới 05 năm: Hỗ trợ 70% giá thành đóng mới tàu cá, mức hỗ trợ 9.800.000 đồng/tấn đăng ký. Tính theo tổng dung tích (GT), xác định trên giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- Tàu cá có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm: Hỗ trợ 60% giá thành đóng mới tàu cá, mức hỗ trợ 8.400.000 đồng/tấn đăng ký. Tính theo tổng dung tích (GT), xác định trên giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- Tàu cá có thời gian từ 10 năm trở lên: Hỗ trợ 50% giá thành đóng mới tàu cá, mức hỗ trợ 7.000.000 đồng/tấn đăng ký. Tính theo tổng dung tích (GT), xác định trên giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- Trường hợp không có thông tin xác định thời gian hoạt động của tàu thì mặc định tàu đã hoạt động trên 10 năm.

b) Hỗ trợ đào tạo nghề: Chủ tàu tham gia thực hiện giải bản tàu và thành viên hộ gia đình chủ tàu được hỗ trợ đào tạo 01 khóa học nghề như sau:

- Chi phí đào tạo tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học.

- Tiền ăn 50.000 đồng/người/ngày thực học, không quá 900.000 đồng/khoá học. Ngày thực học của khoá đào tạo được cơ sở đào tạo xác nhận.

- Tiền đi lại 200.000 đồng/người/khoá học.

3. Thời gian thực hiện các chính sách: đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.